

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện
2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986; Thường trú: Số nhà M, đường số M, tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1988; Thường trú: Số nhà M, đường số M, tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Chị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Minh C tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 02 năm thì tổ chức lễ cưới năm 2010, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011, quyền số 01/2011 ngày 03/6/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh đến giữa năm 2017 thì về sinh sống tại nhà, địa chỉ số M, đường số M, tổ B, thôn S, xã N,

huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C cờ bạc, rượu chè không quan tâm chăm sóc gia đình, anh C làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không phụ giúp chị S lo cho con. Chị S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh vẫn không thay đổi. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân nhau, không còn thương yêu nhau. Nay chị Nguyễn Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh I, sinh ngày 25/9/2010. Hiện nay con đang sống cùng với vợ chồng anh chị. Tại đơn khởi kiện, chị S yêu cầu khi ly hôn, chị được nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 12/4/2021 và tại buổi làm việc về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm tổ trưởng chuyên 6 tại Công ty cổ phần may N đóng tại địa bàn huyện Đ, thu nhập 6.500.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để chăm sóc và lo cho con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh C đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh C không đến Toà án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 21/5/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Minh C tại địa phương và được cung cấp: Chị S và anh C là vợ chồng, đang sinh sống tại nhà riêng có địa chỉ tổ B, thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Theo thông tin từ Chi hội trưởng phụ nữ thôn S, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn từ việc anh C cầm cố chiếc xe máy của anh C dẫn đến vợ chồng cãi nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Minh I, sinh ngày 25/9/2010 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 22/7/2021 và ngày 29/7/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Minh C tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 02 năm thì tổ chức lễ cưới năm 2010, đến năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2011, quyển số 01/2011 ngày 03/6/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị S cho rằng do anh C cờ bạc, rượu chè không quan tâm chăm sóc gia đình, anh C làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không phụ giúp chị S chăm lo cho con. Chị S đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh vẫn không thay đổi. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân nhau, không còn thương yêu nhau. Nay chị Nguyễn Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy, chị S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Minh C đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Minh C không có mặt. Bên cạnh đó, chị Nguyễn Thị S cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Minh C. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Minh C bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị S và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh I, sinh ngày 25/9/2010.

Xét, trong suốt quá trình tố tụng, anh C vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hiện nay cháu I đang sống cùng anh chị. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Chị S có công việc, thời gian làm việc và thu nhập ổn định tại Công ty cổ phần may N Đ, thể hiện tại phiếu lương tháng 11,

12/2020, tháng 01/2021 và tháng 5/2021 do chị nộp cho Tòa án. Ngoài ra, theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh I, khi cha mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng với mẹ là chị S. Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị S về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Minh I.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị S đối với anh Nguyễn Minh C và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S đối với anh Nguyễn Minh C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh C có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Minh I, sinh ngày 25/9/2010 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Minh C đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh C lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị S nuôi con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Nguyễn Minh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001552, ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung